

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

---



**TRẦN THỊ LAN**

**NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ CHÈ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2018**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



**TRẦN THỊ LAN**

**NGHIÊN CỨU CHUỖI GIÁ TRỊ CHÈ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

**Ngành: Phát triển nông thôn**

**Mã số ngành: 8 62 01 16**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. HÀ QUANG TRUNG**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu riêng của tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng, mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn, các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc./.

**Tác giả luận văn**

**Trần Thị Lan**

## LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài, tôi đã nhận được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi nhất, những ý kiến đóng góp và những lời chỉ bảo quý báu của tập thể và cá nhân trong và ngoài Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Đầu tiên tôi xin chân thành cảm ơn sâu sắc TS. Hà Quang Trung là người trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong suốt thời gian nghiên cứu đề tài và hoàn thành luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện Tam Đường, Tân Yên, thành phố Lai Châu.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ các hộ gia đình, hợp tác xã, công ty đã tham gia phỏng vấn tạo điều kiện cho tôi thu thập số liệu, những thông tin cần thiết để thực hiện luận văn này.

Tôi cũng xin được chân thành cảm ơn cơ quan tôi công tác đã tạo điều kiện thuận lợi và thời gian để tôi hoàn thành luận văn này. Đặc biệt, tôi xin được cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn đồng hành và động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài và hoàn thành luận văn.

Tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sâu sắc tới sự giúp đỡ tận tình, quý báu đó!

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Tác giả luận văn**

**Trần Thị Lan**

## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| LỜI CAM ĐOAN .....  | i         |
| LỜI CẢM ƠN .....  | ii        |
| MỤC LỤC .....   | iii       |
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....  | v         |
| DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH .....   | vi        |
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....   | <b>1</b>  |
| 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....   | 1         |
| 2. Mục tiêu nghiên cứu đề tài.....  | 3         |
| 3. Ý nghĩa của đề tài.....  | 3         |
| <b>Chương 1.TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU</b> .....  | <b>5</b>  |
| 1.1. Cơ sở lý luận của đề tài .....   | 5         |
| 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.....   | 5         |
| 1.1.2. Nội dung phân tích chuỗi giá trị ngành hàng.....   | 10        |
| 1.1.3. Ý nghĩa của phân tích chuỗi giá trị .....  | 12        |
| 1.1.4. Mối quan hệ giữa chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng .....   | 13        |
| 1.2. Cơ sở thực tiễn .....  | 15        |
| 1.2.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về chuỗi giá trị chè.....                            | 15        |
| 1.2.2. Kinh nghiệm của một địa phương ở Việt Nam về liên kết trong<br>chuỗi giá trị sản phẩm chè..... | 18        |
| 1.2.3. Một số bài học kinh nghiệm để nâng cấp chuỗi giá trị chè Lai Châu .....                        | 22        |
| <b>Chương 2.NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> .....  | <b>25</b> |
| 2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....   | 25        |
| 2.1.1. Đối tượng nghiên cứu.....  | 25        |
| 2.1.2. Địa bàn nghiên cứu .....   | 25        |
| 2.1.3. Thời gian nghiên cứu .....   | 25        |
| 2.2. Nội dung nghiên cứu.....   | 25        |

|   |           |
|---|-----------|
| 2.3. Phương pháp nghiên cứu.....  | 25        |
| 2.3.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu.....  | 25        |
| 2.3.2. Phương pháp thu thập thông tin.....  | 26        |
| 2.3.3. Phương pháp chọn mẫu điều tra.....   | 27        |
| 2.3.4. Phương pháp phân tích.....   | 29        |
| 2.3.5. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu.....  | 31        |
| <b>Chương 3.KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN.....</b>  | <b>33</b> |
| 3.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu.....   | 33        |
| 3.1.1. Điều kiện tự nhiên.....  | 33        |
| 3.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....  | 38        |
| 3.1.3. Tiềm năng, lợi thế của cây chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu và vai<br>trò của cây chè trong chiến lược tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây<br>dựng nông thôn mới..... | 46        |
| 3.1.4. Đánh giá chung.....  | 47        |
| 3.2. Thực trạng chuỗi giá trị chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu.....   | 49        |
| 3.2.1. Thực trạng sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè.....   | 49        |
| 3.2.2. Phân tích chuỗi giá trị chè Lai Châu.....  | 58        |
| 3.3. Phân tích SWOT về chuỗi giá trị chè.....   | 76        |
| 3.3.1. Phân tích SWOT khâu cung ứng đầu vào.....  | 76        |
| 3.3.2. Phân tích SWOT khâu sản xuất.....  | 77        |
| 3.3.3. Phân tích SWOT khâu thu gom.....   | 78        |
| 3.3.4. Phân tích SWOT khâu sơ chế, chế biến.....  | 79        |
| 3.3.5. Phân tích SWOT khâu tiêu thụ.....  | 80        |
| 3.4. Định hướng và giải pháp phát triển bền vững chuỗi giá trị chè trên<br>địa bàn tỉnh Lai Châu.....   | 81        |
| 3.4.1. Định hướng phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu thời gian tới.....  | 81        |
| 3.4.2. Giải pháp phát triển chuỗi giá trị chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu.....   | 82        |
| <b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>   | <b>92</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>  | <b>95</b> |
| <b>PHỤ LỤC.....</b>   | <b>97</b> |

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|           |   |
|-----------|---|
| BVTV      | Bảo vệ thực vật                                   |
| CP        | Cổ phần   |
| ĐTPT      | Đầu tư phát triển                                 |
| ĐVT       | Đơn vị tính                                       |
| GAP       | quy trình sản xuất nông nghiệp                    |
| GlobalGAP | Bộ tiêu chuẩn về nông trại được công nhận quốc tế |
| GRDP      | Chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng              |
| GTNS      | Giá trị năng suất                                 |
| HTX       | Hợp tác xã  |
| KD        | kinh doanh  |
| KHCN      | Khoa học công nghệ                                |
| KHKT      | Khoa học kỹ thuật                                 |
| KT - XH   | Kinh tế - Xã hội                                  |
| KTCB      | Kiến thiết cơ bản                                 |
| NN&PTNT   | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn               |
| NSNN      | Ngân sách Nhà nước                                |
| PTNT      | Phát triển nông thôn                              |
| SNV       | Tổ chức phát triển Hà Lan                         |
| TNHH      | Trách nhiệm hữu hạn                               |
| UBND      | Ủy ban nhân dân                                   |
| VietGAP   | Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam     |
| XD        | Xây dựng  |
| XNK       | Xuất nhập khẩu                                    |

## DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

|            |  |    |
|------------|--|----|
| Bảng 2.1:  | Đối tượng và mẫu điều tra .....  | 29 |
| Bảng 2.2.  | Phân tích SWOT .....   | 30 |
| Bảng 3.1.  | Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Lai Châu năm 2017 .....  | 37 |
| Bảng 3.2.  | Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh 2010 .....   | 39 |
| Bảng 3.3:  | Tình hình dân số tỉnh Lai Châu .....   | 42 |
| Bảng 3.4:  | Tình hình lao động tỉnh Lai Châu.....  | 43 |
| Bảng 3.5.  | Diện tích, năng suất, sản lượng cây chè trên địa bàn tỉnh Lai<br>Châu chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2015 - 2017 ..... | 50 |
| Bảng 3.6.  | Diện tích chè phân theo vùng giai đoạn 2015 - 2017 .....   | 52 |
| Bảng 3.7:  | Diện tích chè ở các vùng chính năm 2017.....   | 53 |
| Bảng 3.8.  | Căn cứ phân loại chè búp tại Lai Châu.....   | 54 |
| Bảng 3.9:  | Kết quả tiêu thụ chè của Lai Châu giai đoạn 2015 - 2017 .....  | 55 |
| Bảng 3.10: | Tổng hợp kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng<br>chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015 - 2017 .....             | 57 |
| Bảng 3.11: | Các tác nhân tham gia chuỗi giá trị chè Lai Châu.....  | 62 |
| Bảng 3.12. | Thông tin chung về hộ gia đình trồng chè.....  | 64 |
| Bảng 3.13: | Vai trò của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị chè.....   | 70 |
| Bảng 3.14: | Kết quả sản xuất của nông dân trồng chè .....  | 72 |
| Bảng 3.15. | Phân tích kết quả sản xuất của hộ nông dân mẫu điều tra<br>tính trên 1000kg chè búp tươi.....                                    | 73 |
| Bảng 3.16: | Phân tích kết quả của người thu gom chè tính trên 1000kg .....   | 74 |
| Bảng 3.17: | Phân tích kết quả sản xuất của cơ sở chế biến.....   | 74 |
| Bảng 3.18: | Phân tích kinh tế toàn chuỗi giá trị chè tính trên 1000kg<br>búp tươi.....   | 75 |
| Bảng 3.19: | Phân tích SWOT khâu cung ứng đầu vào .....   | 76 |



|            |   |    |
|------------|---|----|
| Bảng 3.20: | Phân tích SWOT khâu sản xuất.....   | 77 |
| Bảng 3.21. | Phân tích SWOT khâu thu gom.....  | 79 |
| Bảng 3.22: | Phân tích SWOT khâu chế biến.....   | 79 |
| Bảng 3.23: | Phân tích SWOT khâu tiêu thụ.....   | 80 |
| Bảng 3.24: | Diện tích, năng suất, sản lượng chè búp tươi trên địa<br>bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020 ..... | 82 |
| Hình 3.1:  | Sơ đồ chuỗi giá trị chè.....  | 59 |
| Hình 3.2:  | Cơ cấu kinh tế toàn chuỗi.....  | 76 |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Việt Nam là một trong 5 quốc gia có diện tích và sản lượng chè cao trên thế giới, bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Kenya, Sri Lanka và Việt Nam. Cây chè nước ta được trồng nhiều ở khu vực trung du, miền núi nơi có điều kiện kinh tế và địa hình khó khăn. Do đó chè không chỉ là cây xóa đói giảm nghèo mà còn là cây công nghiệp thúc đẩy sự phát triển kinh tế “làm giàu” cho người dân [20].

Năm 2017, diện tích chè cả nước đạt 129,3 nghìn ha, giảm 3,1% do vùng chè Yên Bái và một số tỉnh miền núi phía Bắc đã chuyển sang trồng nhóm cây có múi (chủ yếu là cây cam), sản lượng chè búp đạt 1.040,8 nghìn tấn, tăng 0,7% so với 2016 [19]. Sản phẩm chè không chỉ phục vụ tiêu dùng trong nước mà còn xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Lai Châu là một tỉnh miền núi có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi cho phát triển cây chè. Hiện nay cây chè được xác định là cây có vị trí quan trọng của tỉnh. Góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho các hộ nông dân trồng chè. Tuy nhiên Lai Châu có diện tích chè không lớn, tổng diện tích toàn tỉnh chiếm 2,6% tổng diện tích gieo trồng cả nước; thấp hơn so với tỉnh có diện tích chè lớn nhất (Lâm Đồng: 26.000 ha) là 7,7 lần. Nội dung của Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh nêu rõ mục tiêu khai thác tiềm thế mạnh của tỉnh, chuyển nền nông nghiệp từ quảng canh, tự cung tự cấp sang thâm canh và sản xuất hàng hóa. Tỉnh Lai Châu phấn đấu đến năm 2020 có 4.350 ha chè, trong đó trồng mới 1.000 ha, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, chất lượng cao với các giống chủ lực như chè tuyết Shan và Kim Tuyên tại địa bàn thành phố Lai Châu và các huyện: Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên gắn với đổi mới công nghệ chế biến và mẫu mã sản phẩm, xây dựng thương hiệu chè phẩm cấp cao. Đến năm 2030 nâng